

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAI LẬY  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2020/DS-ST  
Ngày 14/7/2020  
V/v Tranh chấp Hợp đồng góp hụi và  
vay tài sản

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Lê Quế Thanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Huỳnh Văn Thanh;

Ông Nguyễn Văn Tư.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Tiểu Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 14 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 118/2020/TLST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi và vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2020/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Ngô Thị Thu T, sinh năm 1979. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 14, xã L, huyện C, tỉnh T.

**- Bị đơn:** Bà Cao Thị D, sinh năm 1983. (có mặt)

Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1983 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp 14, xã L, huyện C, tỉnh T.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Ngô Thị Thu T trình bày:

Vào năm 2016, bà có làm chủ hụi, bà Cao Thị D là hụi viên có tham gia 05 dây hụi như sau:

Dây 1, hụi 1.000.000 đồng, khai ngày 10/4/2016, hụi gồm 23 phần, bà D tham gia 01 phần, hụi một tháng khai một lần, bà D đã hốt hụi vào lần khai thứ 2 được số tiền 16.860.000 đồng. Hiện dây hụi này đã mãn nhưng bà D còn nợ lại bà số tiền hụi là 6.000.000 đồng.

Dây 2, hụi 500.000 đồng, khai ngày 20/8/2016, hụi gồm 22 phần, bà D tham gia 01 phần, hụi một tháng khai một lần, bà D đã hốt hụi vào lần khai đầu tiên được số tiền 7.350.000 đồng. Hiện dây hụi này đã mãn nhưng bà D còn nợ lại bà số tiền hụi là 4.500.000 đồng.

Dây 3, hụi 1.000.000 đồng, khai ngày 01/6/2016, hụi gồm 23 phần, bà D tham gia 01 phần, hụi một tháng khai một lần, bà D đã hốt hụi vào lần khai lần thứ 2 được số tiền 17.590.000 đồng. Hiện dây hụi này đã mãn nhưng bà D còn nợ lại bà số tiền hụi là 8.000.000 đồng.

Dây 4, hụi 1.000.000 đồng, khai ngày 16/11/2016, hụi gồm 25 phần, bà D tham gia 01 phần, hụi một tháng khai một lần, bà D hốt hụi vào lần khai lần đầu tiên được số tiền 17.000.000 đồng. Hiện dây hụi này đã mãn nhưng bà D còn nợ lại bà số tiền hụi là 15.000.000 đồng.

Dây 5, hụi 2.000.000 đồng, khai ngày 01/7/2017, hụi gồm 22 phần, bà D tham gia 01 phần, hụi một tháng khai một lần, bà D đã hốt hụi vào lần khai lần đầu tiên được số tiền 27.000.000 đồng. Hiện dây hụi này đã mãn nhưng bà D còn nợ lại bà số tiền hụi là 42.000.000 đồng.

Như vậy tổng cộng bà D còn nợ lại bà số tiền hụi là 75.500.000 đồng. Ngoài ra bà có cho bà D và ông G vay mượn nhiều lần với tổng số tiền là 197.500.000 đồng. Ông G có biết việc bà D tham gia các dây hụi trên, số tiền hụi và vay được ông bà dùng để sinh hoạt trong gia đình. Đến ngày 12/3/2020, hai bên có tiến hành đối chiếu và tổng kết nợ với nhau, ông G và bà D xác định có nợ bà số tiền hụi và tiền mượn tổng cộng là 273.000.000 đồng, có làm biên nhận. Sau đó bà D và ông G đã trả cho bà 23.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 250.000.000 đồng. Nay bà T yêu cầu bà D và ông G trả số tiền 250.000.000 đồng, trả làm một lần.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Cao Thị D trình bày:

Bà D thống nhất thừa nhận nợ như những lời trình bày của bà T. Bà và ông G có mượn bà Ngô Thị Thu T nhiều lần tiền với tổng số tiền là 56.000.000 đồng. Năm 2016, bà có tham gia 05 dây hụi như trên và mượn tiền của bà T, hiện còn thiếu lại bà T tổng số tiền 273.000.000 đồng. Bà và ông G có đóng tiền lãi cao cho bà T nhưng hai bên chỉ giao nhận, bà không có giấy tờ hay chứng cứ gì chứng minh. Đến ngày 12/3/2020, hai bên có đối chiếu và tổng kết nợ với nhau, có làm biên nhận. Giấy mượn nợ có chữ ký xác nhận của bà và ông G. Sau đó ông bà đã trả cho bà T số tiền 23.000.000 đồng, còn nợ lại 250.000.000 đồng. Nay bà và ông G đồng ý trả cho bà T số tiền 250.000.000 đồng, nhưng xin trả dần mỗi tháng trả 4.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền nêu trên do hoàn cảnh kinh tế của ông bà đang gặp nhiều khó khăn.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn G trình bày:

Ông thống nhất với những lời trình bày của vợ ông là bà Nguyễn Thị Dung. Tiền hụi và vay của bà T được ông và bà D dùng để sinh hoạt trong gia

đình và canh tác vườn cây. Hiện ông và bà D xác định có nợ hui và tiền mượn của bà T tổng cộng số tiền là 273.000.000 đồng. Sau đó ông bà đã trả cho bà T số tiền 23.000.000 đồng, còn nợ lại 250.000.000 đồng. Nay ông và bà D đồng ý trả cho bà T số tiền 250.000.000 đồng, nhưng xin trả dần mỗi tháng trả 4.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền nêu trên do hoàn cảnh kinh tế của ông bà đang gặp nhiều khó khăn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét thấy, bà T khởi kiện bà D và ông G về việc tranh chấp hợp đồng góp hui và vay tài sản theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn bà D và ông G có nơi cư trú tại huyện Cai Lậy nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét nội dung yêu cầu, bà Ngô Thị Thu T khởi kiện bà Cao Thị D và ông Nguyễn Văn G yêu cầu trả số tiền nợ hui và vay là 250.000.000 đồng có cung cấp chứng cứ là “Giấy mượn nợ” lập ngày 12/3/2020 để chứng minh. Biên nhận này là bản chính và có chữ ký xác nhận của bà D và ông G nên phù hợp với quy định tại Điều 93 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về chứng cứ. Bà D và ông G thống nhất thừa nhận có nợ bà T số tiền nợ hui và vay tổng cộng là 273.000.000 đồng. Sau đó ông bà đã trả cho bà T số tiền 23.000.000 đồng, còn nợ lại 250.000.000 đồng nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét ý kiến của bị đơn bà D và ông G cho rằng ông bà đã trả lãi cao cho bà T. Tuy nhiên bà T không thừa nhận và bà D và ông G cũng không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[4] Xét, bị đơn bà D và ông G đồng ý trả cho bà T số tiền 250.000.000 đồng, nhưng xin trả dần mỗi tháng trả 4.000.000 đồng, không được bà T đồng ý nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị Thu T.

[5] Về lãi suất: Bà T không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bà D và ông G phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 471 Bộ luật dân sự; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị Thu T.

Buộc bà Cao Thị D và ông Nguyễn Văn G có nghĩa vụ liên đới trả một lần cho bà Ngô Thị Thu T số tiền 250.000.000 đồng.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Bà Cao Thị D và ông Nguyễn Văn G phải chịu 12.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại bà Ngô Thị Thu T số tiền 6.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005277 ngày 07/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Ngô Thị Thu T, bà Cao Thị D và ông Nguyễn Văn G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Ngô Lê Quế Thanh**